TÒA ÁN NHÂN DÂNQUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 659/2019/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 28 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 626/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Phạm Văn Q, sinh năm Y. Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện H, Thành phố M.

- Chị Trương Thị T, sinh năm Y. Địa chỉ: Số X đường Y, Phường Z, quận M, Thành phố N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa anh Phạm Văn Q và chị Trương Thị T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 131/2008, quyển số 01 cấp ngày 20/10/2008 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, Thành phố H.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 25/4/2019; Biên bản hòa giải thành ngày 17/5/2019 và Đơn yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án ghi ngày 17/5/2019, anh Phạm Văn Q và chị Trương Thị T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, chị T là người trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Gia H, sinh ngày Y, hàng tháng anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng, cho đến khi trẻ Huy đủ 18 tuổi và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung.

[3] Trung tâm Hòa giải, đối thoại tại Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, anh Phạm Văn Q và chị Trương Thị T thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận anh Phạm Văn Q và chị Trương Thị T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 131/2008, quyển số 01 cấp ngày 20/10/2008 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, Thành phố H hết hiệu lực.

- Về con chung: Chị T là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Gia H, sinh ngày Y, hàng tháng anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng, cho đến khi trẻ Huy đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh Phạm Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Văn Q và chị Trương Thị T phải chịu lệ phí dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số: AA/2018/0000711 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND xã X, huyện Y,
Thành phố Z;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Minh Loan